

Bản án số: 48/2023/DS-PT
Ngày: 31 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Ông Phạm Trường Thọ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DSST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2023/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Thanh D, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Tổ 7, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1950; Nơi cư trú: Tổ 13, khóm 5, phường C, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Chị Phạm Diễm T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tổ 1, khóm 4, phường T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 13/3/2023)

- **Người kháng cáo:** Bị đơn, bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Thanh D trình bày:

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị N có mượn (vay) của ông số tiền 80.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn từ ngày 26/4/2019 đến ngày 06/5/2019 và có làm tờ biên nhận cùng ngày. Đến hạn, ngày 06/5/2019 và do đã đòi nhiều lần nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền vốn 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà không có mượn (vay) tiền của ông D và không có ký tên vào tờ biên nhận ngày 26/4/2019 vì không biết chữ. Do đó, bà N không thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại Kết luận giám định số 675/KL-KTHS ngày 18/10/2022, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Về đối tượng giám định, chữ ký mang tên Nguyễn Thị N cần giám định dưới mục “người nhận tiền” trên “tờ biên nhận” ngày 26/4/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu M1 đến M14 là do cùng một người ký ra

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh D.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho ông Võ Thanh D số tiền 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, bị đơn, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về việc buộc bà trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng. Giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn kháng cáo: Không có.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do: Giữa ông D và bà N có quan hệ làm ăn, môi giới phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài theo giới thiệu của con gái ông D ở nước ngoài. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông D. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là dữ liệu ghi âm lời trình bày của người làm chứng là chị T1, thể hiện số tiền này bà N đã giao lại cho nhà gái trong vụ môi giới lấy chồng nước ngoài.

Nguyên đơn, ông D không kháng cáo và trình bày đề nghị giữ không chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên, do bà N đã lớn tuổi nên ông D tự nguyện giảm cho bà N số tiền 10.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà N trả lại 70.000.000 đồng tiền vốn, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm. Buộc bà N trả cho ông D số tiền 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí phúc thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà N do là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của đương sự. Căn cứ vào kết quả tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo ngày 30/12/2022 đối với bản án sơ thẩm ngày 27/12/2022 trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo của bà N được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà Nhanh tuy vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

Về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện giảm tiền theo yêu cầu khởi kiện là tự nguyện; việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Bà Nhanh kháng cáo không đồng ý trả cho ông D số tiền 80.000.000 đồng vì bà cho rằng số tiền 80.000.000 đồng là tiền ông D giao cho gia đình nhà gái nhận khi mai mối kết hôn với người Trung Quốc chứ bà không có nhận số tiền này và bà không có ký tên vào tờ biên nhận ngày 26/4/2019. Xét tại biên nhận ngày 26/4/2019, thể hiện “tôi tên Nguyễn Thị N có mượn của ông Võ Thanh D số tiền là 80.000.000 đồng thời hạn 10 ngày trả lại cho ông D”, có chữ ký và chữ viết họ tên của người giao tiền và người nhận tiền. Bà N không thừa nhận có ký tên vào mục người nhận tiền nhưng tại kết luận giám định số 675/KL-KTHS ngày 18/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị N cần giám định dưới mục “người nhận tiền” trên “tờ biên nhận” ngày 26/4/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu M1 đến M14 là do cùng một người ký ra. Bà N không thống nhất với kết quả giám định nhưng cũng không yêu cầu giám định lại và yêu cầu Tòa án xem xét các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án để giải quyết (BL99). Xét dữ liệu ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Nguyễn Thị N và bà T1 do bà N cung cấp không thỏa thuộc tính của chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự và không phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở xem xét.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà N cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, nguyên đơn, ông D tự nguyện giảm 10.000.000 đồng là có lợi cho bà N nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm như nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về án phí dân sự: Bà N sinh năm: 1950, hiện nay đã trên 60 tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà N và bà N không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, sửa án dân sự sơ thẩm đối với phần án phí của bà N.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Võ Thanh D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DSST, ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh D.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho ông Võ Thanh D số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Võ Thanh D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N chưa trả lại số tiền trên cho thì phải chịu lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0013105 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh..

Ông Võ Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông D 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 10460 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND thị xã Bình Minh;
- VKSND thị xã Bình Minh;
- CCTHADS thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu